

# MỤC LỤC

PHẦN A: THÔNG TIN CHUNG.....	1
I. Giới thiệu.....	1
II. Chức năng, nhiệm vụ.....	1
III. Các chính sách liên quan tới sự phát triển của Trường giai đoạn 2010-2020 ..	2
PHẦN B: TẦM NHÌN, SỨ MẠNG VÀ CÁC GIÁ TRỊ CỐT LÕI.....	3
I. Sứ mạng.....	3
II. Tầm nhìn chung.....	3
III. Các giá trị cốt lõi.....	3
IV. Tầm nhìn đến năm 2020.....	3
IV.1. Mục tiêu.....	4
IV.2. Nội dung.....	4
IV.2.1. Đào tạo.....	4
IV.2.2. Khoa học công nghệ.....	4
IV.2.3. Quan hệ đối ngoại và văn hóa đại học.....	4
IV.2.4. Quản trị đại học.....	5
PHẦN C: HIỆN TRẠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CNTT.....	6
I. Tổ chức, bộ máy.....	6
II. Các mặt công tác.....	7
II.1. Công tác đào tạo.....	7
II.1.1. Đào tạo Đại học.....	7
II.1.2. Đào tạo sau đại học.....	9
II.2. Đảm bảo chất lượng đào tạo.....	10
II.3. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.....	11
II.4. Quan hệ đối ngoại.....	11
II.5. Cơ sở vật chất.....	11
PHẦN D: PHÂN TÍCH BỐI CẢNH.....	13
I. Bối cảnh thế giới.....	13

II. Bối cảnh trong nước .....	14
III. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội và thách thức.....	16
III.1. Phân tích điểm mạnh .....	16
III.2. Phân tích điểm yếu .....	17
III.2.1. Về quản trị đại học .....	17
III.2.2. Về xây dựng đội ngũ .....	17
III.2.3. Về đào tạo và đảm bảo chất lượng.....	17
III.2.4. Về nghiên cứu khoa học và quan hệ đối ngoại .....	17
III.2.5. Về cơ sở vật chất và tài chính .....	17
III.3. Phân tích cơ hội .....	18
III.4. Phân tích thách thức .....	18
PHẦN E: KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2012-2016.....	19
I. Mục tiêu của kế hoạch chiến lược.....	19
II. Nhóm chiến lược 1: Các chiến lược về đào tạo .....	19
II.1. Chiến lược nâng cao chất lượng đào tạo theo chuẩn mực quốc tế.....	19
II.1.1. Chương trình xây dựng môi trường học tập theo chuẩn mực quốc tế	19
II.1.2. Chương trình phát triển các chương trình đào tạo mới theo chuẩn	20
mực quốc tế .....	20
II.2. Chiến lược đảm bảo chất lượng đào tạo .....	20
II.2.1. Chương trình đảm bảo chất lượng cấp cơ sở đào tạo .....	20
II.2.2. Chương trình kiểm định cấp chương trình đào tạo của khu vực .....	21
II.3. Chiến lược phát triển công nghệ đào tạo trực tuyến .....	21
II.3.1. Chương trình phát triển hệ nền phục vụ đào tạo trực tuyến .....	21
II.3.2. Chương trình phát triển hệ thống tài nguyên học tập .....	21
III. Nhóm chiến lược 2: Các chiến lược về khoa học công nghệ.....	22
III.1. Chiến lược nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động KHCN .....	22
III.1.1. Chương trình khai thác hiệu quả các phòng thí nghiệm cấp Trường	22
III.1.2. Chương trình đa dạng hóa các nguồn kinh phí NCKH.....	22

III.2.	Chiến lược khẳng định vị thế của một trường đại học nghiên cứu về CNTT-TT.....	22
III.2.1.	Chương trình hình thành và phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh.	22
III.2.2.	Chương trình tăng cường cơ sở vật chất phòng thí nghiệm phục vụ NCKH.....	23
III.3.	Chiến lược nâng cao hiệu quả chuyển giao công nghệ .....	23
III.3.1.	Chương trình xây dựng sản phẩm công nghệ .....	23
III.3.2.	Chương trình xác lập tài sản trí tuệ.....	23
IV.	Nhóm chiến lược 3: Các chiến lược về quan hệ đối ngoại .....	24
IV.1.	Chiến lược đẩy mạnh và tăng cường công tác đối ngoại để nâng cao vị thế của Trường.....	24
IV.1.1.	Chương trình đẩy mạnh hợp tác trong và ngoài nước trong đào tạo, NCKH và xây dựng đội ngũ .....	24
IV.1.2.	Chương trình tăng cường hợp tác với các đối tác chiến lược .....	24
IV.1.3.	Chương trình thu hút các nguồn tài trợ và học bổng .....	25
IV.2.	Chiến lược quảng bá thương hiệu Trường ĐHCNTT .....	25
IV.2.1.	Chương trình quảng bá hoạt động của Trường.....	25
IV.2.2.	Chương trình tập hợp cựu giáo chức, cựu sinh viên.....	25
IV.2.3.	Chương trình tăng cường hợp tác với các đối tác .....	25
V.	Nhóm chiến lược 4: Các chiến lược về văn hoá đại học Trường ĐHCNTT ..	25
V.1.	Chiến lược xây dựng đời sống văn hóa đặc trưng của Trường trong cán bộ công nhân viên và sinh viên .....	26
V.1.1.	Chương trình xây dựng văn hóa Trường ĐHCNTT .....	26
V.1.2.	Chương trình phát triển văn hóa phục vụ sự phát triển của Trường.	26
V.1.3.	Chương trình phát triển văn hóa trong sinh viên UIT .....	26
VI.	Nhóm chiến lược 5: Các chiến lược về quản trị đại học.....	27
VI.1.	Chiến lược nâng cao hiệu quả quản trị đại học .....	27
VI.1.1.	Chương trình hoàn thiện quy định, quy trình quản lý.....	27
VI.1.2.	Chương trình thành lập các đơn vị mới .....	27

VI.2. Chiến lược xây dựng và phát triển nguồn lực .....	27
VI.2.1. Chương trình xây dựng và phát triển nguồn nhân lực đảm bảo cho đào tạo, KHCCN, QHĐN .....	27
VI.2.2. Chương trình xây dựng và phát triển nguồn lực cán bộ quản lý .....	28
VI.2.3. Chương trình đầu tư xây dựng cơ bản và hoàn thiện cơ sở vật chất	28
VI.2.4. Chương trình phát triển và sử dụng nguồn lực tài chính .....	28
VI.3. Chiến lược nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong quản lý .....	29
VI.3.1. Chương trình xây dựng cổng thông tin UIT portal .....	29
VI.3.2. Chương trình tin học hóa công tác quản lý đào tạo, sinh viên.....	29
VI.3.3. Chương trình tin học hóa quản lý hành chính, văn bản .....	29
VI.3.4. Chương trình tin học hóa quản lý nhân sự và lao động tiền lương...	29
VI.3.5. Chương trình tin học hóa công tác kế toán tài chính .....	30
VI.3.6. Chương trình tin học hóa quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị và dự án .....	30
VI.3.7. Chương trình tin học hóa quản lý KHCCN và QHĐN.....	30
VI.3.8. Chương trình tin học hóa quản lý thư viện và thư viện số.....	30
PHỤ LỤC 1 HỆ THỐNG CÁC CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU ĐẾN NĂM 2016.....	31
PHỤ LỤC 2 DANH SÁCH CÁC NGÀNH MỚI VÀ ĐƠN VỊ MỚI .....	33

# PHẦN A: THÔNG TIN CHUNG

## **I. Giới thiệu**

Trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM là trường đại học công lập được thành lập theo quyết định số 134/2006/QĐ-TTg ngày 08/06/2006 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Trung tâm Phát triển Công nghệ Thông tin. Trường Đại học Công nghệ Thông tin (từ đây trở đi gọi tắt là Trường) có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT-TT) chất lượng cao góp phần tích cực vào sự phát triển của nền công nghiệp CNTT Việt Nam, đồng thời tiến hành nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao CNTT tiên tiến và các công nghệ liên quan, đặc biệt là hướng vào các ứng dụng nhằm góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trường là trường thành viên của ĐHQG-HCM.

ĐHQG-HCM là trung tâm đào tạo, nghiên cứu hàng đầu trong hệ thống giáo dục Việt Nam, luôn tiếp cận những giá trị mới về giáo dục, nghiên cứu, quản trị đại học, phấn đấu trở thành đại học có uy tín trong khu vực và trên thế giới. ĐHQG-HCM bao gồm một hệ thống các trường thành viên và luôn định hướng chung, nâng cao năng lực của toàn hệ thống, đề ra các chuẩn mực chung về quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học và thúc đẩy, liên kết điều phối nhằm mang lại hiệu quả cho các trường thành viên.

## **II. Chức năng, nhiệm vụ**

Trường có các chức năng - nhiệm vụ chính sau:

- Tổ chức đào tạo đại học, sau đại học với đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao trong và ngoài nước, với nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy tiên tiến và trang thiết bị hiện đại nhằm đào tạo nguồn nhân lực CNTT-TT chất lượng cao đạt trình độ khu vực và quốc tế, đáp ứng nhu cầu nhân lực xây dựng ngành công nghiệp CNTT-TT, đặc biệt là công nghệ phần mềm và nhu cầu phát triển ứng dụng CNTT trong các ngành công nghệ cao, quản lý, kinh tế, tài chính.
- Tổ chức nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu triển khai-ứng dụng, chuyển giao công nghệ và sản xuất thử nghiệm các công nghệ CNTT-TT tiên tiến, công nghệ liên quan nhằm tạo ra các sản phẩm CNTT-TT có giá trị sử dụng trong nước và hướng đến xuất khẩu. Tăng cường triển khai các nghiên cứu ứng dụng CNTT-TT trong thương mại điện tử, giáo dục điện tử, chính phủ điện tử và các lĩnh vực khác. Từng bước xây dựng mô hình đại học nghiên cứu,

trong đó công tác nghiên cứu triển khai gắn kết chặt chẽ với đào tạo nguồn nhân lực CNTT-TT chất lượng cao.

- Thực hiện nhiệm vụ đi đầu trong việc tiếp thu nhanh các thành tựu giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và quốc tế góp phần đổi mới nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy. Xây dựng mô hình đại học số hóa trong đó CNTT-TT được ứng dụng trong mọi hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng.
- Thực hiện vai trò tiên phong trong quá trình hội nhập với nền giáo dục đại học của khu vực và thế giới; liên kết với các trường đại học có uy tín trên thế giới và trong nước, các công ty hàng đầu trong lĩnh vực CNTT-TT để nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu, kỹ năng triển khai công nghệ, nâng cao trình độ chuyên môn của giảng viên và năng lực cán bộ quản lý.

Các chương trình đào tạo của trường ĐHCNTT được chia thành ba cấp độ: đại học, cao học và tiến sĩ.

Trường ĐHCNTT định hướng xây dựng theo mô hình đại học nghiên cứu trên nền tảng của đại học số hóa.

### **III. Các chính sách liên quan tới sự phát triển của Trường giai đoạn 2010-2020**

- Thông báo số 242/TB-TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW 2 (khoá VIII) và phương hướng phát triển Giáo dục - Đào tạo đến năm 2020.
- Nghị Quyết Đại hội Đảng bộ ĐHQG-HCM nhiệm kỳ 2011-2015.
- Nghị Quyết Đại hội Đảng bộ trường ĐHCNTT nhiệm kỳ 2011-2015.
- Đề án đổi mới giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Quyết định 1755/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 22/9/2010 về việc Phê duyệt Đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về Công nghệ thông tin và truyền thông”.
- Kế hoạch chiến lược phát triển ĐHQG-HCM giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến 2020.
- Bối cảnh thế giới, trong nước và hiện trạng Trường ĐHCNTT.

## **PHẦN B: TẦM NHÌN, SỨ MẠNG VÀ CÁC GIÁ TRỊ CỐT LÕI**

### **I. Sứ mạng**

Trường ĐHCNTT là một trung tâm đào tạo đại học, sau đại học chất lượng cao; là nguồn cung cấp nhân lực trình độ cao, có năng lực phát triển tự thân, có khả năng làm việc trong môi trường cạnh tranh quốc tế và triển khai ứng dụng trong lĩnh vực CNTT-TT cũng như các lĩnh vực liên quan khác.

Trường là một trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ hàng đầu trong lĩnh vực CNTT-TT và các lĩnh vực liên quan.

### **II. Tầm nhìn chung**

Trường ĐHCNTT hướng đến trở thành một trường đại học trọng điểm, chất lượng cao hàng đầu về CNTT-TT của Việt Nam và khu vực; là đích đến tin cậy về đào tạo, nghiên cứu khoa học và sáng tạo-đổi mới của các nhà khoa học, học giả hàng đầu trong lĩnh vực CNTT-TT cũng như các lĩnh vực liên quan.

Trường là chỗ dựa của ĐHQG-HCM và Tp.HCM về ứng dụng CNTT-TT, đặc biệt trong việc hình thành mô hình tin học hóa quản lý và đào tạo trực tuyến.

Trường là một địa chỉ tin cậy, hấp dẫn đối với các nhà đầu tư phát triển công nghệ, giới doanh nghiệp trong và ngoài nước; góp phần đắc lực vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giữ gìn an ninh quốc phòng và phát triển hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.

### **III. Các giá trị cốt lõi**

Trường ĐHCNTT hướng đến các giá trị cốt lõi sau:

- Sự phát triển của người học và cộng đồng.
- Chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.
- Tinh thần độc lập, sáng tạo, dấn thân vì cộng đồng, đoàn kết tương thân tương ái và đạo đức nghề nghiệp.

### **IV. Tầm nhìn đến năm 2020**

Trường ĐHCNTT xác định giai đoạn 2012-2016 là giai đoạn củng cố, giai đoạn 2016-2020 là giai đoạn tăng tốc, phát triển. Do đó đến năm 2020, Trường ĐHCNTT phải

xác định rõ được vị thế của mình trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. Trên tinh thần đó, Trường xác định tầm nhìn chiến lược đến năm 2020 như sau:

#### ***IV.1. Mục tiêu***

Phát triển và ứng dụng CNTT-TT để nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, nghiên cứu khoa học, quản lý và đẩy mạnh hội nhập quốc tế của Trường ĐHCNTT.

#### ***IV.2. Nội dung***

##### **IV.2.1. Đào tạo**

Đến năm 2020, các chương trình đào tạo kỹ sư và cử nhân CNTT-TT của Trường được thiết kế, xây dựng, cập nhật thường xuyên theo nhu cầu thực tiễn phát triển CNTT-TT, hợp chuẩn CDIO và đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn AUN-QA. Sinh viên tốt nghiệp đủ khả năng chuyên môn và tiếng Anh để tham gia thị trường lao động quốc tế.

Thực hiện liên kết đa ngành, đa lĩnh vực trong đào tạo nguồn nhân lực CNTT-TT, gắn kết CNTT-TT với các ngành công nghệ cao và các lĩnh vực quản lý, kinh doanh.

##### **IV.2.2. Khoa học công nghệ**

Là một trường thành viên của ĐHQG-HCM, Trường phấn đấu đến năm 2020 trở thành trường trọng điểm quốc gia về nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực CNTT-TT với các đề tài dự án quốc gia và quốc tế. Trường thành lập ít nhất 5 nhóm nghiên cứu mạnh với các công trình về CNTT-TT chuyên ngành và CNTT-TT ứng dụng, được công bố trong các tạp chí quốc tế có uy tín.

Các nghiên cứu tập trung vào việc phát huy thế mạnh của Trường và thế mạnh là trường thành viên của ĐHQG-HCM, đáp ứng yêu cầu khoa học và ứng dụng của CNTT-TT trong 10 năm tới cũng như các yêu cầu từ thực tiễn kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng của Việt Nam như: an toàn thông tin, khai thác dữ liệu, công nghệ tri thức, xử lý ngôn ngữ tự nhiên, công nghệ Internet thế hệ mới, dịch vụ đa phương tiện, dịch vụ đào tạo trực tuyến, GIS, thiết kế vi mạch và các hệ thống nhúng. Về công nghiệp, Trường tham gia phát triển công nghiệp phần mềm, nội dung số và dịch vụ gia công.

##### **IV.2.3. Quan hệ đối ngoại và văn hóa đại học**

Trường xác lập vị thế trong lĩnh vực đào tạo và NCKH ở cấp quốc gia và quốc tế:

- Có mạng lưới đối tác chiến lược trong đào tạo và NCKH.



- Có quan hệ mật thiết với các doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực CNTT-TT và các lĩnh vực thế mạnh khác của Trường.
- Có mạng lưới cựu giáo chức và cựu sinh viên mạnh.

#### **IV.2.4. Quản trị đại học**

Trường ĐHCNTT có mô hình quản trị đại học tiên tiến, đội ngũ đủ trình độ theo kịp đà phát triển của ngành CNTT-TT.

Trường triệt để ứng dụng CNTT-TT trong mọi mặt công tác. Các hệ thống ứng dụng CNTT-TT được tích hợp trong chính thể thống nhất của Trường và trao đổi với hệ thống ứng dụng của ĐHQG-HCM. Từng bước hoàn thiện nền tảng cho đại học số hóa trên cơ sở công nghệ thông tin điện tử với các dịch vụ được xây dựng trên nền tảng CNTT-TT bao gồm dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, gắn kết với doanh nghiệp, dịch vụ hỗ trợ sinh viên.

Hoàn tất dự án xây dựng Trường với đầy đủ các cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật hiện đại phục vụ nghiên cứu, giảng dạy, học tập.

## **PHẦN C: HIỆN TRẠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CNTT**

### **I. Tổ chức, bộ máy**

Trường ĐHCNTT có 07 phòng, 02 ban chức năng, 05 khoa, bộ môn Toán –Lý, Bộ môn Anh Văn trực thuộc Ban Giám hiệu, 02 phòng thí nghiệm cấp Trường, 10 phòng máy thực hành, hệ thống phòng học trực tuyến kết nối 12 tỉnh thành, 05 trung tâm trong đó có 02 trung tâm có tư cách pháp nhân và con dấu riêng hoạt động theo nghị định 115.

Các đơn vị của Trường gồm:

- Phòng Tổ chức –Hành chính.
- Phòng Kế hoạch- Tài chính.
- Phòng Đào tạo Đại học
- Phòng Đào tạo Sau Đại học – Khoa học công nghệ và Quan hệ đối ngoại.
- Phòng Quản trị thiết bị.
- Phòng Thanh tra-Pháp chế-Đảm bảo chất lượng.
- Phòng Công tác sinh viên.
- Ban Dữ liệu và Công nghệ thông tin.
- Ban Quản lý cơ sở.
- Khoa Công nghệ Phần mềm.
- Khoa Hệ thống thông tin.
- Khoa Khoa học máy tính.
- Khoa Kỹ thuật máy tính.
- Khoa Mạng máy tính và Truyền thông.
- Bộ môn Toán –Lý
- Bộ môn Anh văn
- Phòng thí nghiệm Hệ thống thông tin.
- Phòng thí nghiệm Truyền thông Đa phương tiện.
- Trung tâm Phát triển CNTT
- Trung tâm sáng tạo Microsoft.
- Trung tâm Công nghệ Đào tạo trực tuyến.
- Trung tâm Công nghệ phần mềm.
- Trung tâm Điện tử và Kỹ thuật máy tính.

Đến cuối tháng 9/2012, số CBCNV của Trường là 236, trong đó có 128 cán bộ giảng dạy-nghiên cứu với 68% cán bộ giảng dạy-nghiên cứu có trình độ trên đại học.

Đảng bộ trường ĐHCNTT có 51 đảng viên với 8 chi bộ. Công đoàn Trường gồm 13 tổ với 214 công đoàn viên, Đoàn Thanh niên có 2161 đoàn viên có 65 đoàn viên là cán bộ trẻ.

## **II. Các mặt công tác**

### ***II.1. Công tác đào tạo***

#### **II.1.1. Đào tạo Đại học**

Trong những năm qua, chất lượng đào tạo luôn là nhiệm vụ hàng đầu và xuyên suốt của Nhà trường. Để từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng với yêu cầu của giáo dục đào tạo và chất lượng nguồn nhân lực CNTT-TT trong tình hình mới, tất cả các chương trình đào tạo và các môn học đều được rà soát, đổi mới về nội dung, chương trình và phương pháp giảng dạy trong đó công nghệ trực tuyến được ưu tiên sử dụng, công tác giáo trình được ưu tiên đầu tư thực hiện.

Năm 2006, Trường được ĐHQG-HCM phê duyệt cho phép đào tạo 4 ngành Kỹ sư (Hệ thống thông tin, Công nghệ Phần mềm, Mạng máy tính và truyền thông, Kỹ thuật máy tính) và 02 ngành cử nhân (Khoa học Máy tính, Công nghệ thông tin). Bên cạnh đó từ năm 2007, Trường được Bộ Giáo dục-Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo chương trình tiên tiến ngành Hệ thống thông tin và ĐHQG-HCM cho phép đào tạo cử nhân tài năng ngành Khoa học máy tính.

Năm 2012, Trường được ĐHQG-HCM phê duyệt cho phép đào tạo chương trình chính quy đào tạo kỹ sư ngành An ninh thông tin (hợp tác với Đại học Kỹ thuật Vienna – Áo) và 03 ngành kỹ sư chất lượng cao - thu học phí phù hợp (Hệ thống thông tin, Công nghệ Phần mềm, Kỹ thuật máy tính).

Quy mô đào tạo hiện nay (đến tháng 9/2012) của Trường:

- Hệ chính quy: 2227 sinh viên hệ đại học chính quy, 83 sinh viên chương trình tiên tiến và 67 sinh viên hệ Cử nhân tài năng.
- Hệ đào tạo từ xa: 4382 sinh viên.

Trường tăng cường đào tạo gắn kết với doanh nghiệp qua việc gửi sinh viên đến làm việc tại doanh nghiệp từ năm thứ 3. Trong các năm 2010, 2011, Trường đã gửi trên

400 sinh viên đến thực tập tại trên 30 doanh nghiệp CNTT-TT. Trường đã ban hành chuẩn đầu ra các ngành đào tạo kỹ sư và cử nhân từ năm 2009.

**Đào tạo trực tuyến qua mạng:** Với phương châm đa dạng hóa các loại hình đào tạo để đáp ứng nhu cầu xã hội và kế thừa truyền thống từ Trung tâm Phát triển Công nghệ thông tin, Trường đã tiếp tục đào tạo hệ cử nhân từ xa qua mạng với số lượng sinh viên cho đến tháng 9/2012 là 4.382 sinh viên, số lượng sinh viên đã tốt nghiệp là 6.300 sinh viên trong số đó có nhiều cựu sinh viên đang đóng góp tích cực cho sự phát triển của các doanh nghiệp CNTT-TT trong cả nước.

Trường đang tiến hành khẩn trương đổi mới công nghệ đào tạo trực tuyến để nâng cao hiệu quả triển khai hệ này tại Trường và tiến đến cung cấp dịch vụ đào tạo trực tuyến cho các đơn vị khác.

**Thành tích sinh viên:** Sinh viên Trường đã tham gia kỳ thi Olympic Tin học toàn quốc và quốc tế các năm 2008, 2009, 2010, 2011 và đều đạt các thứ hạng cao (đặc biệt đạt 2 cúp vàng mã nguồn mở, 1 cúp đồng khối chuyên tin). Sinh viên đã tham gia các cuộc thi Imagine cup, Thách thức, ... và đều đạt giải cao.

**Công tác giáo trình:** Trường luôn cập nhật và đưa vào sử dụng các giáo trình, tài liệu tham khảo mới nhất của thế giới để phục vụ cho các ngành đào tạo.

#### **Đào tạo cử nhân tài năng:**

Trường được giao nhiệm vụ đào tạo hệ cử nhân tài năng ngành Khoa học máy tính từ năm 2007.

Chương trình cử nhân tài năng có mục tiêu phát hiện và đào tạo những sinh viên giỏi, có năng khiếu về khoa học máy tính thông qua việc ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, đội ngũ giảng viên giỏi và áp dụng phương pháp dạy - học tiên tiến, nhằm đạt chuẩn chất lượng quốc tế. Trong năm 2010, Trường có khóa tốt nghiệp cử nhân Khoa học máy tính đầu tiên đầu tiên. Cho đến cuối năm 2011, các sinh viên đã cùng các thầy hướng dẫn công bố trên 20 công trình khoa học trên các tạp chí, hội thảo quốc tế chuyên ngành CNTT-TT.

Đến nay đã có 55 sinh viên hệ cử nhân tài năng tốt nghiệp. Tất cả các sinh viên đều có việc làm hoặc tiếp tục học nâng cao trong và ngoài nước.

### **Đào tạo cử nhân theo chương trình tiên tiến:**

Trường được Bộ GD&ĐT giao nhiệm vụ đào tạo cử nhân ngành hệ thống thông tin theo chương trình tiên tiến hợp tác với Oklahoma State University, Hoa Kỳ từ năm 2008.

Chương trình tiên tiến chú trọng giúp sinh viên phát triển các kỹ năng phân tích, đánh giá vấn đề, phân tích thiết kế và xây dựng các hệ thống thông tin, an toàn dữ liệu. Các môn học được giảng bằng tiếng Anh theo chương trình đào tạo ngành hệ thống thông tin của Oklahoma State University. 100% sinh viên của hệ này đều tham gia các đợt thực tập thực tế tại các doanh nghiệp CNTT để nâng cao khả năng chuyên môn và kinh nghiệm thực tế. Các sinh viên cũng tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học.

Năm 2012 sẽ là năm đầu tiên có sinh viên của chương trình này tốt nghiệp.

### **II.1.2. Đào tạo sau đại học**

Trường không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ ngành khoa học máy tính. Công tác đào tạo sau đại học (SDH) những năm qua đã có sự phát triển tích cực, cung cấp cho xã hội nhiều chuyên gia có trình độ cao về CNTT-TT. Đến tháng 9/2012 đã có 275 học viên cao học tốt nghiệp.

- Quy mô đào tạo trình độ thạc sĩ hiện tại: 527 HV, tuyển mới: 89 HV.
- Quy mô đào tạo trình độ tiến sĩ hiện tại: 17 NCS, tuyển mới: 02 NCS.

Trường đã hoàn chỉnh Quy chế học vụ đào tạo thạc sĩ. Trường luôn chú trọng đến nhiệm vụ quan trọng là nâng cao chất lượng đào tạo. Các chương trình đào tạo luôn được cập nhật. Công tác đào tạo SDH luôn gắn kết với nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.

Trường đang khẩn trương xây dựng các chương trình đào tạo SDH ở các ngành còn lại.

Từ tháng 12 năm 2003, dưới sự điều hành của ĐHQG-HCM và quản lý trực tiếp của Trung tâm Phát triển Công nghệ Thông tin – đơn vị tiền thân của Trường ĐH CNTT, khóa 1 thí điểm về đào tạo cao học chuyên ngành Khoa học Máy tính theo phương thức qua mạng đã được khai giảng. Qua 3 khóa đào tạo theo phương thức này, đã có gần 400 học viên theo học, đến tháng 9/2012 đã có 275 học viên tốt nghiệp thạc sĩ theo chương trình đào tạo này.

Vào tháng 3/2009, tại Quyết định số 288/QĐ-ĐHQG-ĐH&SDH của Giám đốc ĐHQG-HCM đã chính thức giao nhiệm vụ đào tạo chuyên ngành thạc sĩ này cho Trường ĐH CNTT. Hiện quy mô đào tạo cao học về chuyên ngành Khoa học Máy tính trong phạm vi cả nước đã đạt 527 học viên.

Trong hơn 8 năm qua, thực tiễn đã minh chứng nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Khoa học Máy tính thuộc ngành CNTT theo phương thức qua mạng và học chế tín chỉ là một nhiệm vụ phù hợp với yêu cầu của xã hội, đáp ứng nhu cầu của đông đảo người học. Nhà trường luôn cập nhật nội dung đào tạo và đổi mới phương pháp quản lý để nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

Hiện nay, ngoài việc xây dựng đề án đào tạo cao học ngành CNTT, Trường đã hoàn chỉnh các đề án và ký kết hợp tác đào tạo về các trình độ thạc sĩ CNTT liên kết với Đại học Wrocław-Ba lan, Đại học Bang Oklahoma, Đại học Arkansas-Hoa kỳ. Dự kiến năm 2013, Nhà trường sẽ trình các đề án đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Hệ thống Thông tin, chuyên ngành Kỹ thuật Phần mềm và trao đổi, xúc tiến đề án liên kết đào tạo cao học với Trường Đại học Phạm Văn Đồng.

Căn cứ các quy chế về đào tạo thạc sĩ tại ĐHQG-HCM năm 2001 và 2009, Trường đã ban hành các quy định cụ thể vào năm 2003 và 2009 tương ứng để thực hiện. Đối với các chương trình liên kết đào tạo, những quy định tương ứng về thực hiện các chương trình này đã được Nhà trường tham khảo quy chế, trao đổi với phía đối tác và đưa vào văn bản hợp tác để cùng thực hiện.

Năm 2007, Trường đã được Giám đốc ĐHQG-HCM giao nhiệm vụ đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Khoa học Máy tính, đến nay đã có 19 nghiên cứu sinh đang học tập và nghiên cứu tại Trường. Các chương trình đào tạo cao học và trình độ tiến sĩ luôn gắn kết với nhiệm vụ NCKH của Trường thông qua các hợp đồng và kế hoạch nghiên cứu của cán bộ hướng dẫn đề tài luận văn cao học hay luận án tiến sĩ.

## ***II.2. Đảm bảo chất lượng đào tạo***

Trường luôn coi trọng vai trò và công tác đảm bảo chất lượng đào tạo. Ngay từ ngày thành lập, Trường đã xây dựng tổ đánh giá chất lượng. Đến 3/2010, tổ được nâng cấp thành phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng. Từ tháng 2/2012, phòng được bổ sung chức năng nhiệm vụ và đổi tên thành phòng Thanh tra-Pháp chế-Đảm bảo chất lượng. Định kỳ hằng năm, Trường tổ chức hội thảo kiểm định chất lượng.

Trường đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá và trải qua đợt đánh giá ngoài nội bộ từ ngày 9/4/2012 đến 10/4/2012.

### ***II.3. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ***

Công tác nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ (CGCN) luôn được Trường quan tâm.

Trường đã hoàn thành việc chuyển đổi cơ chế hoạt động của TT CITD, TT MIC theo ND 115.

Trường gắn kết hoạt động đào tạo SDH với NCKH bằng cách hỗ trợ trực tiếp kinh phí NCKH cho các nghiên cứu sinh.

**Công bố khoa học:** Từ năm 2006 đến năm 2011, Trường đã công bố trên 200 báo cáo khoa học, tổ chức và tham gia tổ chức 7 hội nghị khoa học quốc tế và xuất bản 4 kỷ yếu hội nghị.

### ***II.4. Quan hệ đối ngoại***

Trường luôn mở rộng hoạt động hợp tác quốc tế nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH. Trường đã cử nhiều Đoàn ra nước ngoài để trao đổi hợp tác đào tạo, liên kết đào tạo đại học, tham quan học hỏi, tạo điều kiện tu nghiệp cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên. Với hoạt động hợp tác quốc tế có kết quả tốt, Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép triển khai đào tạo chương trình tiên tiến ngành hệ thống thông tin. Bên cạnh đó, ĐHQG-HCM cho phép triển khai các chương trình liên kết với Canada, Hoa Kỳ, Ba Lan. Trường cũng đã tiếp nhận trang thiết bị từ sự giúp đỡ của Chính phủ Nhật Bản, Hàn Quốc, Ba Lan,...

Thông qua hoạt động đối ngoại, Trường nhận được nhiều tài trợ cho các phòng thí nghiệm của Khoa Kỹ thuật máy tính, học bổng cho sinh viên, hỗ trợ nơi thực tập và giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên.

### ***II.5. Cơ sở vật chất***

Cơ sở vật chất của Trường không ngừng được đầu tư nâng cấp và hoàn thiện. Đến 9/2012, có tổng cộng 15.950 m<sup>2</sup> xây dựng, 2 phòng thí nghiệm nghiên cứu, 10 phòng thí nghiệm phục vụ giảng dạy với 778 máy tính.

Tiến độ thực hiện các hạng mục công trình trong dự án xây dựng Trường như sau:

- Trường đã hoàn tất một số hạng mục công trình hạ tầng và khối Giảng đường–Thư viện. Đầu năm 2012, Trường đưa vào sử dụng khối Giảng đường–Thư viện.
- Trường đã tổ chức đấu thầu xong các gói thầu thiết kế. Công trình tòa nhà thực hành B đã khởi công vào tháng 5/2011.
- Trường phân đấu đến hết năm 2016 sẽ hoàn tất 70% dự án xây dựng Trường.



## **PHẦN D: PHÂN TÍCH BỐI CẢNH**

### **I. Bối cảnh thế giới**

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới đang diễn ra vô cùng nhanh chóng làm biến đổi sâu sắc toàn bộ đời sống của xã hội loài người. Khâu đột phá trung tâm của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ này chính là sự phát triển của CNTT-TT. Ngày nay CNTT-TT đã ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực kinh tế xã hội, đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội và thay đổi phong cách sống của con người. CNTT-TT đã tạo ra một ngành kinh tế kỹ thuật mới: ngành công nghiệp CNTT-TT. Với sự ra đời của Internet, kỹ nguyên máy tính mọi lúc mọi nơi sẽ dần dần biến CNTT-TT trở thành một công cụ không thể thiếu được trong phát triển kinh tế, xã hội của tất cả các nước. Việc tăng cường ứng dụng CNTT-TT trong quản lý kinh tế, sản xuất, kinh doanh đã thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế đất nước trong giai đoạn hội nhập kinh tế toàn cầu.

Dù nền kinh tế thế giới trong những năm qua ~~qua~~ có những bước thăng trầm, tác động và ảnh hưởng không nhỏ đến nhiều lĩnh vực hoạt động khác; song các nước công nghiệp, các quốc gia đang phát triển và nhiều quốc gia chậm phát triển đều chú trọng đến phát triển CNTT-TT, tăng cường ứng dụng CNTT-TT vào mọi lĩnh vực hoạt động, không ngừng đổi mới nâng cao tính năng hoạt động của các thiết bị, mở rộng, đào sâu, phát minh các sản phẩm phần mềm, tạo nên những bước nhảy vọt về tổng doanh thu, thay đổi nhanh phong cách tư duy, suy nghĩ làm việc.

CNTT-TT đang phát triển mạnh, trên thế giới. Thị trường CNTT-TT đang tiếp tục tăng trưởng và đang cần nguồn nhân lực chuyên nghiệp, có trình độ cao làm việc trong lĩnh vực này. Để đáp ứng các yêu cầu của toàn cầu hóa, phát triển khoa học công nghệ, kinh tế tri thức, các trường đại học trên thế giới đã đúc rút được nhiều kinh nghiệm hay về liên tục đổi mới theo một chiến lược nhất quán với tầm nhìn rộng. Chiến lược phát triển của một số đại học hàng đầu trên thế giới nhìn chung đều nhằm vào việc phát triển khả năng cốt lõi và tính cạnh tranh của công nghệ, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của quốc gia hay địa phương và cung cấp cho sinh viên kiến thức phù hợp với tiến bộ CNTT-TT của thời đại và đòi hỏi của xã hội.

Nguồn nhân lực CNTT-TT trong nhiều năm liền luôn ở tình trạng thiếu hụt. Theo một khảo sát mới đây của Chính phủ Mỹ, trên thế giới cần có khoảng 20 triệu người làm việc trong lĩnh vực CNTT-TT, nhưng hiện chỉ có khoảng 15 triệu người, nghĩa là đang thiếu hụt khoảng 5 triệu nhân công. Điều này cho thấy nhu cầu về nhân lực CNTT-TT, nhất là nhân lực chất lượng cao đang là rất cao không chỉ ở Việt Nam mà còn trên toàn thế giới.

## **II. Bối cảnh trong nước**

CNTT-TT đang thâm nhập vào các hoạt động sản xuất, cung cấp dịch vụ, điều hành, quản lý, trở thành bộ phận cấu thành quan trọng trong một số ngành kinh tế trọng yếu của đất nước như hàng không, ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, du lịch, viễn thông... Các dự án tin học hóa và ứng dụng CNTT-TT gắn chặt chẽ với các quá trình cải cách hành chính, đổi mới phương thức hoạt động, tạo tiền đề để từng bước hình thành chính phủ điện tử,...

Theo đánh giá của Bộ Thông tin và Truyền thông, lĩnh vực CNTT-TT trong năm 2010 đã có nhiều chuyển biến và phát triển với năng suất, hiệu quả cao. Những kết quả đạt được đã chứng minh sự tăng trưởng vượt bậc. Tổng doanh thu toàn ngành ước đạt 4,5 tỷ USD, tốc độ tăng toàn ngành đạt khoảng 20% trong đó công nghiệp phần cứng máy tính đạt khoảng 700 triệu USD (tăng 16%); Công nghiệp phần mềm đạt khoảng 670 triệu USD (tăng 35%); Công nghiệp nội dung số đạt khoảng 270 triệu USD (tăng 50%).

Đại hội hiệp hội doanh nghiệp phần mềm Việt Nam (Vinasoft) lần thứ 3 nhiệm kỳ 2010-2015 cho biết doanh thu năm 2010 của ngành công nghiệp phần mềm Việt Nam ước đạt 2 tỉ USD, tăng gấp 40 lần trong 10 năm qua. Nhân lực trong ngành cũng tăng tới 20 lần với hơn 100 nghìn lao động.

Công nghiệp CNTT-TT nói chung và phần mềm nói riêng có bước phát triển vượt bậc với doanh số năm 2010 ước khoảng 2 tỉ USD, tăng gấp 40 lần trong 10 năm. Trong số hơn 100 nghìn lao động của ngành, có tới 70% có trình độ cao đẳng, đại học. Vinasoft đánh giá, nếu như 10 năm trước Việt Nam chưa có tên trên bản đồ CNTT trên thế giới, thì nay Việt Nam đã trở thành một thị trường đầy tiềm năng và được nhiều nước tiên tiến như Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ quan tâm đặc biệt.

Trong những năm qua, đã có nhiều chủ trương, chính sách được ban hành để phát triển công nghiệp CNTT-TT từ chỉ thị 58 của Bộ Chính trị về phát triển CNTT cho công

nghiệp hóa – hiện đại hóa, Nghị quyết 07/CP của Chính phủ, Quyết định 331/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phát triển nguồn nhân lực CNTT-TT từ năm 2004 đến năm 2010, Kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực CNTT đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 theo Quyết định số 698/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Tháng 9/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định số 1755/QĐ-TTg phê duyệt đề án “đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về CNTT-TT”. Mục tiêu tổng quát của đề án là phát triển nguồn nhân lực CNTT đạt tiêu chuẩn quốc tế; xây dựng công nghiệp CNTT, đặc biệt là công nghiệp phần mềm, nội dung số và dịch vụ trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần quan trọng vào tăng trưởng GDP và xuất khẩu; thiết lập hạ tầng viễn thông băng rộng trên phạm vi cả nước; ứng dụng hiệu quả CNTT trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng năm đạt từ 2 - 3 lần tốc độ tăng trưởng GDP trở lên. Đến năm 2020, tỷ trọng CNTT-TT đóng góp vào GDP đạt từ 8 - 10%. Đến năm 2015: các doanh nghiệp Việt Nam có đủ năng lực thiết kế, sản xuất thiết bị, thay thế dần các chi tiết nhập khẩu, đẩy mạnh nghiên cứu chế tạo vi mạch tích hợp, làm chủ thiết kế và sản xuất được một số sản phẩm phần cứng CNTT và truyền thông mang thương hiệu Việt Nam, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Việt Nam nằm trong số 15 nước dẫn đầu về cung cấp dịch vụ gia công phần mềm và nội dung số. Quy mô và tính chuyên nghiệp của các doanh nghiệp phần mềm, nội dung số và dịch vụ CNTT Việt Nam được nâng cao, đủ sức cạnh tranh trên thị trường nội địa. Hình thành được một số sản phẩm phần cứng, phần mềm, nội dung số mang thương hiệu Việt Nam phục vụ thị trường trong nước, hướng tới xuất khẩu. Đến năm 2020: hình thành được các tổ chức nghiên cứu và phát triển CNTT-TT mạnh, đặc biệt là các tổ chức nghiên cứu và phát triển công nghệ của doanh nghiệp, đủ năng lực nghiên cứu phát triển sản phẩm mới có công nghệ cao. Công nghiệp phần mềm và dịch vụ gia công của Việt Nam phát triển mạnh mẽ, Việt Nam nằm trong số 10 nước dẫn đầu về cung cấp dịch vụ gia công phần mềm và nội dung số. Các doanh nghiệp phần mềm, nội dung số và dịch vụ CNTT Việt Nam làm chủ thị trường trong nước và tham gia xuất khẩu. Nhiều sản phẩm, giải pháp phục vụ ứng dụng CNTT của Nhà nước và doanh nghiệp do Việt Nam nghiên cứu, phát triển hoặc bản địa hóa từ các phần mềm tự do mã nguồn mở.

Về nguồn nhân lực CNTT, đến năm 2015: 30% số lượng sinh viên CNTT, điện tử, viễn thông sau khi tốt nghiệp ở các trường đại học có đủ khả năng chuyên môn và ngoại ngữ để có thể tham gia thị trường lao động quốc tế. Tỷ lệ người dân sử dụng Internet đạt trên 50%. Đến năm 2020: 80% sinh viên CNTT-TT tốt nghiệp ở các trường đại học đủ khả năng chuyên môn và ngoại ngữ để tham gia thị trường lao động quốc tế. Tổng số nhân lực tham gia hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp CNTT đạt 1 triệu người, trong đó bao gồm nhân lực hoạt động trong nước và nhân lực tham gia xuất khẩu. Tỷ lệ người dân sử dụng Internet đạt trên 70%.

Quyết định 1755/QĐ-TTg cũng đã vạch ra nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực CNTT như sau:

- Ưu tiên nguồn lực để triển khai kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực CNTT đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 theo Quyết định số 698/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.
- Tăng cường khả năng thông tin, dự báo và định hướng phát triển nguồn nhân lực CNTT Việt Nam theo nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế.
- Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, tạo cơ chế đặc thù để tăng quyền tự chủ cho một số cơ sở đào tạo, nghiên cứu trọng điểm về CNTT đạt trình độ quốc tế. Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao, các chuyên gia tư vấn, phân tích thiết kế, xây dựng và quản lý hệ thống CNTT.
- Tăng cường đào tạo kỹ năng sử dụng CNTT trong xã hội, góp phần nâng cao dân trí.
- Khuyến khích việc giảng dạy bằng tiếng Anh đối với các sinh viên CNTT trong các trường đại học.
- Mở rộng loại hình đào tạo trực tuyến trên cơ sở hạ tầng viễn thông băng rộng.

### **III. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội và thách thức**

#### ***III.1. Phân tích điểm mạnh***

- Đội ngũ cán bộ viên chức quản lý hiện nay đoàn kết trong mọi hoạt động của Trường, cùng nhìn chung về một hướng nhằm xây dựng, phát triển Trường đi lên.

- Trường ĐHCNTT là trường mới thành lập nên không bị níu kéo bởi sự trì trệ, nên dễ xây dựng được nền tảng văn hóa Đại học mới, phong cách mới.
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu phần lớn có tuổi đời khá trẻ, tạo nên làn sóng tích cực trong các hoạt động của Trường. Bắt đầu có một số cán bộ của Trường gửi đi đào tạo nước ngoài đã trở về làm việc, tăng cường đáng kể chất lượng đội ngũ.
- Là trường thành viên của ĐHQG nên thừa hưởng sức mạnh hệ thống và uy tín, thương hiệu của hệ thống ĐHQG-HCM.

### ***III.2. Phân tích điểm yếu***

#### **III.2.1. Về quản trị đại học**

- Do là đơn vị mới thành lập nên chưa có nề nếp quản lý tốt, chưa đạt được độ chuyên nghiệp cao.
- Chưa phát huy được cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

#### **III.2.2. Về xây dựng đội ngũ**

- Đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu trình độ cao còn thiếu.

#### **III.2.3. Về đào tạo và đảm bảo chất lượng**

- Các chương trình đào tạo chưa được kiểm định.
- Công tác đảm bảo chất lượng đào tạo còn mới mẻ, chưa có đủ nguồn lực để thực hiện tốt công tác này.

#### **III.2.4. Về nghiên cứu khoa học và quan hệ đối ngoại**

- Chưa xác định các hướng nghiên cứu trọng điểm, các đề tài tầm cỡ hoặc các sản phẩm mục tiêu của Trường. Chưa xây dựng được các nhóm nghiên cứu đặc trưng để phát triển những tiềm năng nghiên cứu của Trường.
- Nguồn lực triển khai nghiên cứu khoa học, quan hệ đối ngoại còn thiếu và chưa tập trung.

#### **III.2.5. Về cơ sở vật chất và tài chính**

- Cơ sở vật chất còn thiếu thốn, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.
- Ngân sách đầu tư còn ít so với nhu cầu.

- Nguồn thu chủ yếu dựa vào học phí, chưa huy động các nguồn thu từ doanh nghiệp, xã hội, quốc tế.

### ***III.3. Phân tích cơ hội***

- Phân tích bối cảnh tình hình CNTT-TT trong và ngoài nước, chúng ta nhận thấy ngành CNTT-TT là ngành mũi nhọn hiện nay, đang có những cơ hội phát triển mới, có nhiều đối tác trong và ngoài nước quan tâm đầu tư. Nhu cầu ứng dụng CNTT-TT trong mọi mặt của đời sống, kinh tế, xã hội là rất lớn.
- Nhà nước xác định ngành CNTT-TT là ngành mũi nhọn. Quyết định 1755/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ khẳng định quyết tâm xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về CNTT-TT.
- Sự thiếu hụt về nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực CNTT-TT.
- Trường ĐHCNTT nằm trong khu vực TP. HCM là khu vực năng động về phát triển CNTT-TT và là trung tâm của vùng trọng điểm kinh tế phía Nam.

### ***III.4. Phân tích thách thức***

- Trường đang đối diện với sự cạnh tranh khốc liệt với các tổ chức đào tạo về CNTT-TT trong và ngoài nước do thỏa thuận WTO.
- Chuẩn mực thế giới về nguồn nhân lực CNTT-TT ngày càng cao.
- Nguy cơ chảy máu chất xám càng ngày càng tăng với sự xuất hiện nhiều trường đại học có đào tạo CNTT cũng như sức hút của các công ty, doanh nghiệp sẵn sàng tạo điều kiện tốt, lương cao cho những người có trình độ chuyên môn tốt trong lĩnh vực CNTT-TT.
- Sự tiến bộ nhanh chóng của CNTT-TT đòi hỏi đầu tư trang thiết bị hiện đại và thời gian khấu hao ngắn nhưng kinh phí được cấp rất hạn chế.

## **PHẦN E: KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2012-2016**

### **I. Mục tiêu của kế hoạch chiến lược**

Trường phấn đấu đến năm 2016 trở thành một trong các trường đại học hàng đầu về CNTT-TT trong cả nước. Trên cơ sở đó, kế hoạch chiến lược của Trường nhằm mục tiêu:

- Xây dựng cơ sở vật chất hoàn chỉnh, đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH.
- Tập hợp lực lượng khoa học mạnh trong và ngoài Trường.
- Tạo môi trường làm việc hợp tác, đoàn kết và có khả năng phát triển cao.

Các nhóm chiến lược để đạt mục tiêu trên bao gồm:

1. Nhóm chiến lược về đào tạo.
2. Nhóm chiến lược về khoa học công nghệ.
3. Nhóm chiến lược về quan hệ đối ngoại.
4. Nhóm chiến lược về văn hóa Trường ĐHCNTT.
5. Nhóm chiến lược về quản trị đại học.

### **II. Nhóm chiến lược 1: Các chiến lược về đào tạo**

#### **Mục tiêu chung**

- Nâng cao chất lượng đào tạo đại học và sau đại học tại Trường theo các chuẩn mực của khu vực và quốc tế, theo hướng lấy người học làm trung tâm và định hướng theo chuẩn AUN-QA, ABET.

#### **Mục tiêu cụ thể**

- Phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao.
- Đảm bảo chất lượng đào tạo.
- Phát triển công nghệ đào tạo trực tuyến một cách chuyên nghiệp, ứng dụng vào đào tạo để nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo.

#### ***II.1. Chiến lược nâng cao chất lượng đào tạo theo chuẩn mực quốc tế***

##### **II.1.1. Chương trình xây dựng môi trường học tập theo chuẩn mực quốc tế**

#### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Tạo ra môi trường học tập đạt yêu cầu của tiêu chuẩn về không gian học tập theo mô hình CDIO.

- Triển khai các chương trình đào tạo theo triết lý “lấy người học làm trung tâm”.
- Áp dụng mô hình CDIO chuẩn hóa CTĐT của 6 ngành đào tạo đại học. Các CTĐT đáp ứng đúng chuẩn đầu ra.
- Xây dựng hệ thống giáo trình đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.
- Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng dạy và quản lý. Đặc biệt nâng cao khả năng ngoại ngữ của đội ngũ giảng viên và từng bước đưa vào giảng dạy nhiều môn học bằng tiếng Anh.
- Củng cố, phát triển hệ đào tạo trực tuyến theo hướng sử dụng các công nghệ tiên tiến để tạo ra môi trường học tập hỗ trợ tốt nhất việc học tập mọi lúc mọi nơi.

### **II.1.2. Chương trình phát triển các chương trình đào tạo mới theo chuẩn mực quốc tế**

#### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Phát triển các ngành đào tạo đại học và sau đại học, chương trình tài năng, chương trình chất lượng cao và chương trình tiên tiến theo mô hình CDIO.
- Phát triển các chương trình đào tạo liên kết với đại học nước ngoài (bậc đại học và sau đại học).
- Kế thừa phương pháp tổ chức, triển khai của các chương trình tiên tiến, quốc tế để tạo môi trường đào tạo tốt cho các chương trình chính quy, đại trà.
- Xây dựng hệ thống đánh giá, giám sát việc thực hiện CTĐT theo mô hình CDIO.

## **II.2. Chiến lược đảm bảo chất lượng đào tạo**

### **II.2.1. Chương trình đảm bảo chất lượng cấp cơ sở đào tạo**

#### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Không ngừng cải thiện và nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng ngày càng tốt các yêu cầu nhân lực chất lượng cao trong nước, hướng tới thị trường nhân lực khu vực và quốc tế.
- Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn kiểm định của Bộ Giáo dục & Đào tạo, ĐHQG-HCM và AUN-QA.



## **II.2.2. Chương trình kiểm định cấp chương trình đào tạo của khu vực**

### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Không ngừng cải thiện và nâng cao chất lượng đào tạo của các chương trình đào tạo mũi nhọn (chương trình đào tạo cử nhân tài năng, chương trình chất lượng cao, chương trình tiên tiến) nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn cấp chương trình đào tạo của khu vực, qua đó nâng các chương trình đào tạo này lên ngang tầm đào tạo khu vực.
- Đạt kiểm định theo chuẩn AUN-QA đối với các chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao, chương trình tài năng; hướng đến đạt chuẩn kiểm định ABET.

## **II.3. Chiến lược phát triển công nghệ đào tạo trực tuyến**

### **II.3.1. Chương trình phát triển hệ nền phục vụ đào tạo trực tuyến**

#### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Xây dựng hệ thống giảng dạy trực tuyến đa dạng về hình thức, tích hợp các công nghệ truyền dẫn, công nghệ studio.
- Xây dựng hệ thống học tập trực tuyến đa dạng về hình thức.
- Xây dựng các hệ thống thông tin quản lý đào tạo phục vụ yêu cầu quản lý tổ chức học tập trực tuyến (LCMS – Learning Contents Management System).
- Phối hợp cùng Phòng Đào tạo Đại học, Phòng Thanh tra- Pháp chế- Đảm bảo chất lượng xây dựng hệ thống giải pháp đảm bảo chất lượng của hệ từ xa phù hợp mô hình công nghệ mới.

### **II.3.2. Chương trình phát triển hệ thống tài nguyên học tập**

#### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Ban hành các quy chế, quy định và chiến lược cụ thể về xây dựng tài nguyên học tập của trường.
- Xây dựng hệ thống tài nguyên học tập phong phú, đa dạng và hiện đại cho các môn học đang giảng dạy, đáp ứng nhu cầu của sinh viên và giảng viên.
- Xây dựng xưởng biên tập và sản xuất tài nguyên học tập sử dụng công nghệ tiên tiến.

### **III. Nhóm chiến lược 2: Các chiến lược về khoa học công nghệ**

#### **Mục tiêu chung**

- Tăng cường năng lực khoa học công nghệ (KHCCN) và xác lập sản phẩm KHCCN cung ứng nhu cầu xã hội.

#### **Mục tiêu cụ thể**

- Xác định hướng chủ lực cho NCKH và CGCN, hỗ trợ công tác đào tạo.
- Xây dựng, phát triển các nguồn lực và cơ chế phục vụ NCKH và CGCN. Trong đó, chú ý đến các nghiên cứu liên ngành giữa CNTT-TT và các ngành khác.

#### ***III.1. Chiến lược nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động KHCCN***

##### **III.1.1. Chương trình khai thác hiệu quả các phòng thí nghiệm cấp Trường**

###### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Tổ chức giới thiệu rộng rãi và quảng bá năng lực của phòng thí nghiệm (PTN) đến các nhà khoa học.
- Xây dựng cơ chế và khuyến khích chia sẻ tài nguyên PTN phục vụ nghiên cứu và đào tạo sau đại học.

##### **III.1.2. Chương trình đa dạng hóa các nguồn kinh phí NCKH**

###### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Vận động các nguồn tài trợ cho NCKH từ nhiều tổ chức khác nhau.
- Mở rộng hợp tác với công nghiệp, địa phương trong NCKH để tạo ra sản phẩm KHCCN trong lĩnh vực CNTT-TT.
- Mở rộng hợp tác để xây dựng các dự án KHCCN từ những nguồn kinh phí quốc tế.

#### ***III.2. Chiến lược khẳng định vị thế của một trường đại học nghiên cứu về CNTT-TT***

##### **III.2.1. Chương trình hình thành và phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh**

###### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Xây dựng đại học định hướng nghiên cứu hàng đầu về CNTT-TT.

- Xây dựng các chính sách ưu đãi về con người, cơ sở vật chất trong NCKH, xây dựng các cơ chế đặc biệt, hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh trong Trường theo các lĩnh vực Trường có tiềm năng: xử lý thông tin Multimedia, các hệ thống thông tin thông minh và an toàn và bảo mật thông tin.

### **III.2.2. Chương trình tăng cường cơ sở vật chất phòng thí nghiệm phục vụ NCKH**

#### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Xác định các PTN cần đầu tư dựa trên nhu cầu của các nhóm nghiên cứu.
- Tổ chức rút kinh nghiệm và hỗ trợ các nhóm xây dựng dự án PTN có chất lượng.

### **III.3. Chiến lược nâng cao hiệu quả chuyển giao công nghệ**

#### **III.3.1. Chương trình xây dựng sản phẩm công nghệ**

##### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Phối hợp với doanh nghiệp và người dùng để xác định một vài sản phẩm CNTT-TT có ý nghĩa.
- Tổ chức nghiên cứu để tạo ra những sản phẩm CNTT-TT theo nhu cầu xã hội. Đặc biệt chú trọng phát triển các sản phẩm xử lý và khai thác thông tin, Multimedia, cung cấp các dịch vụ điện tử dựa trên sự tích hợp các phần mềm ứng dụng, phần mềm hệ thống và mạng viễn thông.
- Tham gia các triển lãm, hội chợ CNTT-TT để giới thiệu sản phẩm và tiếp cận nhu cầu xã hội.

#### **III.3.2. Chương trình xác lập tài sản trí tuệ**

##### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Ban hành qui chế và xác lập tài sản trí tuệ (TSTT) đối với các sản phẩm KH-CN của Trường.
- Xây dựng và ban hành quy chế chuyển giao TSTT của Trường.
- Phổ biến, giới thiệu các sản phẩm KH-CN, TSTT với các doanh nghiệp và người dùng.

#### **IV. Nhóm chiến lược 3: Các chiến lược về quan hệ đối ngoại**

##### **Mục tiêu chung**

- Đẩy mạnh hoạt động quan hệ đối ngoại (QHĐN) để nâng cao trình độ, uy tín về đào tạo, NCKH và vị thế của Trường đối với xã hội.

##### **Mục tiêu cụ thể**

- Xây dựng hình ảnh của Trường với cộng đồng trong và ngoài nước.
- Xây dựng và phát triển năng lực nội tại về công tác đối ngoại.
- Tiếp tục duy trì, phát triển các mối quan hệ hợp tác đã có.
- Tăng cường và mở rộng hợp tác đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng khoa KHCN với các tổ chức trong và ngoài nước nhằm tăng cường năng lực đào tạo, NCKH và CGCN.
- Triển khai đào tạo nhân lực CNTT-TT cho khu vực ASEAN và thế giới.

#### ***IV.1. Chiến lược đẩy mạnh và tăng cường công tác đối ngoại để nâng cao vị thế của Trường***

##### **IV.1.1. Chương trình đẩy mạnh hợp tác trong và ngoài nước trong đào tạo, NCKH và xây dựng đội ngũ**

###### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Xây dựng và phối hợp triển khai các chương trình trao đổi giảng viên, chuyên viên cho từng năm học.
- Tăng cường và phối hợp với các đối tác trong và ngoài nước tổ chức hội thảo trong nước và quốc tế.

##### **IV.1.2. Chương trình tăng cường hợp tác với các đối tác chiến lược**

###### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Xây dựng các tiêu chí đánh giá và xác định các đối tác chiến lược.
- Xúc tiến việc ký kết các thỏa thuận hợp tác với các đối tác được chọn lọc là đối tác chiến lược của Trường.
- Thường xuyên theo dõi và đánh giá các chương trình hợp tác với các đối tác chiến lược.

### **IV.1.3. Chương trình thu hút các nguồn tài trợ và học bổng**

#### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Tìm kiếm và quản lý các nguồn tài trợ.
- Thu hút các nguồn tài trợ NCKH, học bổng đào tạo trong và ngoài nước.
- Xây dựng và phối hợp triển khai các chương trình hỗ trợ sinh viên tìm nguồn học bổng

## ***IV.2. Chiến lược quảng bá thương hiệu Trường ĐHCNTT***

### **IV.2.1. Chương trình quảng bá hoạt động của Trường**

#### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Xây dựng và triển khai kế hoạch xây dựng các chương trình quảng bá hình ảnh của Trường.
- Xúc tiến tổ chức các hoạt động văn hóa, xã hội đề cao hình ảnh của Trường.

### **IV.2.2. Chương trình tập hợp cựu giáo chức, cựu sinh viên**

#### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Thành lập và phát huy vai trò tổ chức cựu sinh viên, cựu giáo chức của Trường.
- Xây dựng truyền thống Trường gắn kết với cựu sinh viên, cựu giáo chức.

### **IV.2.3. Chương trình tăng cường hợp tác với các đối tác**

#### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Tăng cường việc xúc tiến, hỗ trợ các hoạt động liên kết giữa Trường, các đơn vị trong Trường với các đối tác trong và ngoài nước.
- Tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất và nhân lực cho các hoạt động hợp tác.

## **V. Nhóm chiến lược 4: Các chiến lược về văn hoá đại học Trường ĐHCNTT**

### **Mục tiêu chung**

- Xác định và phát triển các giá trị văn hóa đặc trưng của Trường ĐHCNTT.

### **Mục tiêu cụ thể**

- Xác định, xây dựng và phát triển các giá trị văn hoá đặc trưng của Trường, làm nền tảng, động lực phát triển Trường.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc một cách chuyên nghiệp và hiện đại, góp phần vào sự phát triển của Trường và ĐHQG-HCM.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trường.

### ***V.1. Chiến lược xây dựng đời sống văn hóa đặc trưng của Trường trong cán bộ công nhân viên và sinh viên***

#### **V.1.1. Chương trình xây dựng văn hóa Trường ĐHCNTT**

##### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Xác định các giá trị văn hóa đặc trưng của Trường.
- Tổ chức xây dựng và triển khai các hoạt động nâng cao giá trị văn hóa đặc trưng của Trường.
- Xây dựng kế hoạch và triển khai phổ biến văn hóa Trường.

#### **V.1.2. Chương trình phát triển văn hóa phục vụ sự phát triển của Trường**

##### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Xây dựng bộ phận chuyên trách theo dõi, xây dựng và triển khai phổ biến giá trị văn hóa của Trường.
- Thực hiện đề tài nghiên cứu “Khảo sát hiện trạng và đánh giá văn hóa đại học hiện nay”.
- Xây dựng văn hóa UIT trong thể thống nhất toàn ĐHQG-HCM.
- Xây dựng quy trình, quy định phát huy giá trị và phát triển văn hóa Trường.

#### **V.1.3. Chương trình phát triển văn hóa trong sinh viên UIT**

##### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Xây dựng môi trường văn hóa cho SV: chủ động, sáng tạo.
- Trang bị kỹ năng thực hành xã hội và ý thức.
- Hỗ trợ tốt SV trong đời sống, việc làm và học tập.
- Trang bị CSVC đầy đủ để tổ chức hoạt động hỗ trợ SV học tập, sinh hoạt.

## **VI. Nhóm chiến lược 5: Các chiến lược về quản trị đại học**

### **Mục tiêu chung**

- Nâng cao năng lực quản trị đại học của Trường trong hệ thống ĐHQG-HCM.

### **Mục tiêu cụ thể**

- Áp dụng các phương pháp quản trị đại học tiên tiến vào thực tiễn công tác quản lý tại Trường.
- Nâng cao hiệu quả quản trị toàn trường trong hệ thống ĐHQG-HCM nhằm phục vụ việc hoàn thành sứ mạng và đáp ứng yêu cầu tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

### ***VI.1. Chiến lược nâng cao hiệu quả quản trị đại học***

#### **VI.1.1. Chương trình hoàn thiện quy định, quy trình quản lý**

##### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Nghiên cứu các quy định, quy trình.
- Rà soát và ban hành các quy trình, quy định mới.

#### **VI.1.2. Chương trình thành lập các đơn vị mới**

##### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Thành lập thêm một số đơn vị mới đáp ứng nhu cầu quản lý và phát triển các ngành, chuyên ngành đào tạo mới, hoạt động NCKH.
- Hợp tác với các đơn vị ngoài trường thành lập các Khoa đào tạo liên ngành.

### ***VI.2. Chiến lược xây dựng và phát triển nguồn lực***

#### **VI.2.1. Chương trình xây dựng và phát triển nguồn nhân lực đảm bảo cho đào tạo, KHCN, QHĐN**

##### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Từng bước xây dựng và bổ sung chính sách tuyển dụng đáp ứng yêu cầu cụ thể từng giai đoạn.
- Tăng dần tỷ trọng cán bộ GD, NC trẻ được tuyển dụng có trình độ sau đại học.

- Nâng cao năng lực tổ chức giảng dạy, thực hiện nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ thông qua học tập, tu nghiệp ngắn hạn, dài hạn ở nước ngoài.
- Tham gia tích cực và tận dụng các nguồn lực từ Chương trình “Đổi mới và nâng cao hiệu quả việc dạy và học bằng tiếng Anh trong đào tạo ĐH & SĐH” của ĐHQG-HCM, cũng như Đề án Ngoại ngữ quốc gia 2020 của Bộ GD&ĐT để nâng cao trình độ tiếng Anh cho cán bộ giảng dạy, nghiên cứu.

### **VI.2.2. Chương trình xây dựng và phát triển nguồn lực cán bộ quản lý**

#### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Nâng cao trình độ nghiệp vụ, ngoại ngữ.
- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ, ngoại ngữ và thực hiện theo kế hoạch.
- Tổ chức cho cán bộ quản lý đi tập huấn về quản trị đại học ở nước ngoài.
- Tham gia tích cực và tận dụng các nguồn lực từ Chương trình “Phát triển và tổ chức nhân sự” của ĐHQG-HCM để phát triển và nâng tầm đội ngũ cán bộ quản lý.

### **VI.2.3. Chương trình đầu tư xây dựng cơ bản và hoàn thiện cơ sở vật chất**

#### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Thực hiện tốt các công trình trong dự án xây dựng Trường (Tiểu dự án ĐHQG -QG04).
- Hoàn thiện các phòng thí nghiệm trọng điểm về CNTT.
- Tăng cường hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất.
- Vận động các nguồn tài trợ xã hội hóa nâng cao chất lượng cơ sở vật chất.

### **VI.2.4. Chương trình phát triển và sử dụng nguồn lực tài chính**

#### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Tạo nguồn lực tài chính thông qua công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.
- Hoàn thiện các quy định về quản lý tài chính theo các chế độ của nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế của Trường.
- Có quy chế chi tiêu nội bộ rõ ràng, hợp lý.



- Tiết giảm hợp lý các chi phí điện, nước và các thiết bị máy móc trong Trường.

### ***VI.3. Chiến lược nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong quản lý***

#### **VI.3.1. Chương trình xây dựng cổng thông tin UIT portal**

##### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Áp dụng CNTT vào tất cả công tác cung cấp, quảng bá thông tin về Trường.
- Phát triển, nâng cấp cổng thông tin điện tử của Trường.
- Xây dựng hệ thống website của các khoa, phòng, ban.
- Phát triển, nâng cấp hệ thống diễn đàn, cung cấp tài nguyên học tập và cố vấn học tập.

#### **VI.3.2. Chương trình tin học hóa công tác quản lý đào tạo, sinh viên**

##### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Áp dụng CNTT vào tất cả các mặt của công tác quản lý đào tạo, sinh viên.
- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý đào tạo, sinh viên phục vụ yêu cầu quản lý theo qui trình đã được chuẩn hóa phù hợp với qui định của Bộ GD&ĐT và hướng đến các chuẩn quốc tế.

#### **VI.3.3. Chương trình tin học hóa quản lý hành chính, văn bản**

##### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Chuẩn hóa các quy trình quản lý văn bản, hành chính.
- Xây dựng phần mềm quản văn bản đi, đến.
- Xây dựng phần mềm quản lý hành chính, tin học hóa các nghiệp vụ hành chính.

#### **VI.3.4. Chương trình tin học hóa quản lý nhân sự và lao động tiền lương**

##### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Áp dụng CNTT vào tất cả các mặt của công tác quản lý nhân sự và lao động tiền lương.
- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý cán bộ viên chức (cán bộ quản lý, chuyên viên, giảng viên, nghiên cứu viên) và chế độ lao động tiền lương. Tích hợp vào hệ thống lao động tiền lương của Trường.

### **VI.3.5. Chương trình tin học hóa công tác kế toán tài chính**

#### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Áp dụng CNTT vào tất cả các mặt công tác tài chính, kế toán.
- Xây dựng hệ thống thông tin tài chính kế toán, quản lý học phí, thu chi, báo cáo tài chính, tính thuế thu nhập cá nhân.

### **VI.3.6. Chương trình tin học hóa quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị và dự án**

#### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Áp dụng CNTT vào tất cả các mặt công tác quản lý cơ sở vật chất, các dự án xây dựng cơ bản của Trường.
- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý cơ sở vật chất (phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm), trang thiết bị
- Xây dựng phần mềm quản lý dự án xây dựng cơ bản và một số dự án khác (quản lý hồ sơ, giấy tờ, tiến độ dự án, ...).

### **VI.3.7. Chương trình tin học hóa quản lý KHCCN và QHĐN**

#### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Áp dụng CNTT vào tất cả các mặt công tác quản lý KHCCN, QHĐN.
- Xây dựng hệ thống quản lý đề tài NCKH, kết quả NCKH, kinh phí NCKH, các đối tác quốc tế có hợp tác với Trường.

### **VI.3.8. Chương trình tin học hóa quản lý thư viện và thư viện số**

#### **Các giải pháp chủ yếu:**

- Áp dụng CNTT vào tất cả các mặt công tác quản lý thư viện như quản lý độc giả, quản lý nguồn hay kho tài liệu, mượn trả tài liệu, cổng thông tin thư viện số và các hệ thống hỗ trợ thư viện số.
- Xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ nghiệp vụ quản lý thư viện.
- Xây dựng cổng thông tin thư viện số.
- Xây dựng hệ thống tìm kiếm trong thư viện số.
- Xây dựng hệ thống dữ liệu tài nguyên số phong phú và đa dạng thuộc các chuyên ngành CNTT-TT.

**PHỤ LỤC 1**  
**HỆ THỐNG CÁC CHỈ TIÊU PHẤN ĐẤU ĐẾN NĂM 2016**

STT	Chỉ số	Chỉ tiêu năm 2012	Chỉ tiêu năm 2016
<b>I. <u>Đào tạo và Đảm bảo chất lượng</u></b>			
<b><i>I.1. Quy mô đào tạo</i></b>			
I.1.1.	Tuyển sinh chính quy /năm	710	1.000
I.1.2.	Tuyển sinh từ xa /năm	2.000	1500
I.1.3.	Tuyển sinh cao học /năm	180	300
I.1.4.	Tuyển nghiên cứu sinh /năm	6	12
I.1.5.	Tổng số sinh viên chính quy	2.227	4.500
I.1.6.	Tổng số sinh viên hệ từ xa qua mạng	4.264	6.000
I.1.7.	Tổng số học viên cao học	527	600
I.1.8.	Tổng nghiên cứu sinh	19	50
I.1.9.	Số ngành đào tạo mở mới	1	7
<b><i>I.2. Đảm bảo chất lượng đào tạo</i></b>			
I.2.1.	Số lượng CTĐT được kiểm định	0	4 AUN, 6 nội bộ
<b>II. <u>Nghiên cứu khoa học</u></b>			
II.1.	Số trung tâm nghiên cứu mạnh	0	1
II.2.	Số nhóm nghiên cứu mạnh	0	2
II.3.	Số PTN trọng điểm	0	2
II.4.	Số đề tài khoa học /năm	20	40
II.5.	Số bài báo khoa học công bố /năm	40	100
II.6.	Số hợp đồng nghiên cứu hợp tác với doanh nghiệp	0	2-4
<b>III. <u>Quan hệ đối ngoại</u></b>			
III.1.	Số lượng CTĐT hợp tác với nước ngoài	4	8
III.2.	Số lượng bản ghi nhớ hợp tác (MOU) có hiệu lực, được triển khai	5	10

<b>STT</b>	<b>Chỉ số</b>	<b>Chỉ tiêu năm 2012</b>	<b>Chỉ tiêu năm 2016</b>
III.3.	Số lượng chương trình hợp tác nghiên cứu	1	4
<b>IV. <u>Xây dựng cơ bản và cơ sở vật chất</u></b>			
IV.1.	Khối lượng xây dựng hoàn thành tiểu dự án QG-04	30%	70%
<b>V. <u>Tổ chức cán bộ</u></b>			
V.1.	Số lượng CBCNV cơ hữu	236	380
V.2.	Số lượng cán bộ giảng dạy, nghiên cứu	128	240
V.3.	Tỷ lệ sinh viên chính quy, học viên SĐH, NCS trên cán bộ giảng dạy, nghiên cứu	20:1	15:1
V.4.	Số GS, Phó GS	6	15
V.5.	Tỷ lệ CBGD, NC có trình độ SĐH/Tổng số CBGD, NC	68%	80%
V.6.	Tỷ lệ CBGD, NC có trình độ Tiến sĩ/tổng số CBGD, NC có trình độ SĐH	21%	30%

## **PHỤ LỤC 2**

### **DANH SÁCH CÁC NGÀNH MỚI VÀ ĐƠN VỊ MỚI**

#### **A. DANH SÁCH CÁC NGÀNH XIN MỞ MỚI**

- 1) Ngành An ninh thông tin (năm 2012).
- 2) 5 Ngành đào tạo thạc sĩ: Công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin, Công nghệ phần mềm, Kỹ thuật máy tính, Mạng máy tính và Truyền thông.
- 3) 2 Ngành đào tạo Đại học: Khoa học kỹ thuật tính toán, Truyền thông và đa phương tiện.

#### **B. DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ MỚI**

- 1) Thành lập Thư viện (năm 2012).
- 2) Thành lập 4 PTN: PTN công nghệ đào tạo trực tuyến, PTN Truyền thông và mạng xã hội, PTN Kỹ thuật máy tính, PTN Phát triển phần mềm mô phỏng ảo và kỹ thuật số.
- 3) Thành lập 2 Khoa: Truyền thông và đa phương tiện, Khoa học kỹ thuật tính toán.
- 4) Thành lập phòng Quan hệ đối ngoại.
- 5) Thành lập 2 Trung tâm: TT Đào tạo quốc tế, TT hỗ trợ SV và quan hệ Doanh nghiệp.
- 6) Tái cấu trúc các bộ môn hiện có để tạo thêm 7 bộ môn khi đáp ứng đủ yêu cầu về số lượng CBGD, NC và cơ sở vật chất: BM Thương mại điện tử, BM Phát triển Ứng dụng nhúng, BM Điều khiển tự động, BM An ninh thông tin, BM Xử lý ảnh và đa phương tiện, BM Hệ thống thông tin địa lý, BM Điện tử.

#### **C. LỘ TRÌNH THÀNH LẬP KHOA**

- 1) Muộn nhất là 2014: Thành lập Khoa Khoa học kỹ thuật tính toán. Dự kiến khi thành lập có 10 CBGD trong đó có ít nhất 2 Tiến sỹ.
- 2) 2016: Thành lập Khoa Truyền thông đa phương tiện. Dự kiến khi thành lập có 10 CBGD trong đó có ít nhất 2 Tiến sỹ.